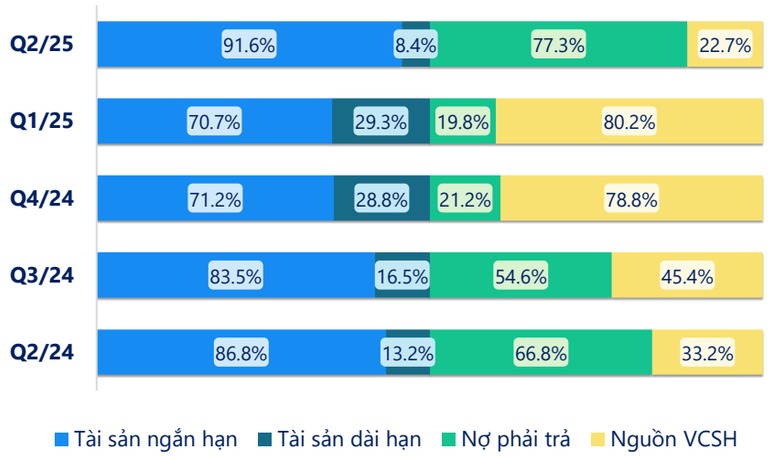
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam (HNX: SMN)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	12,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	14,070
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	10,645
SL cổ phiếu LH	4,405,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	10
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	53
P/E	5.7
EPS	2,091

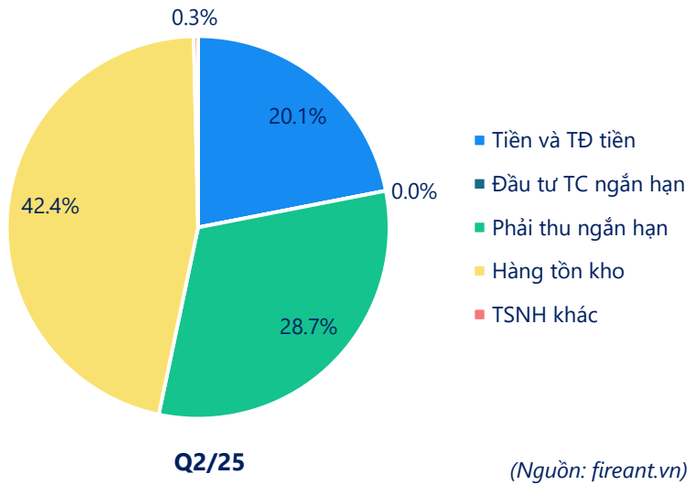
	YTD	1T	3T	6T
SMN	-7.4%	-4.0%	-0.8%	-4.7%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản



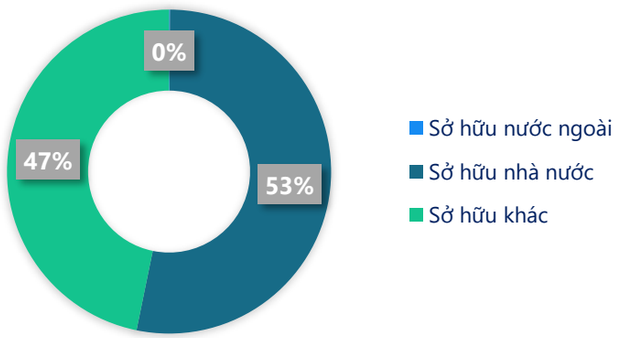
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



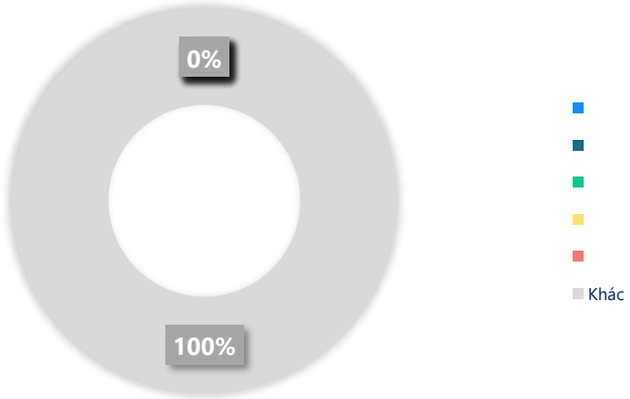
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



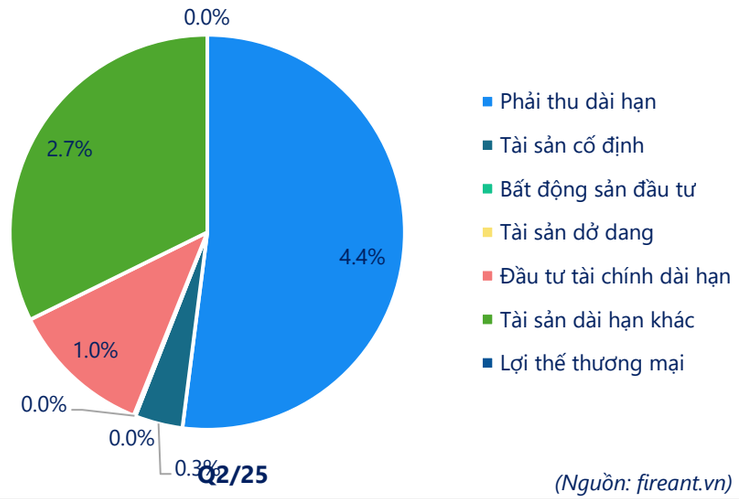
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

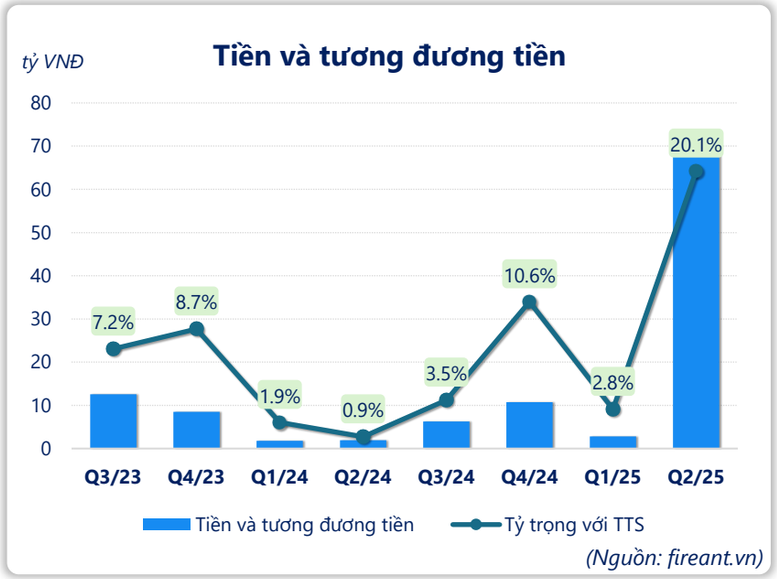
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



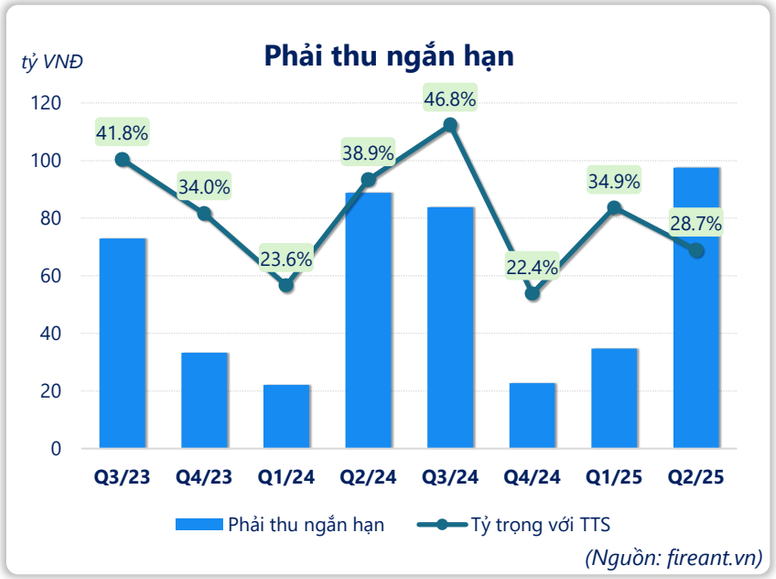
(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

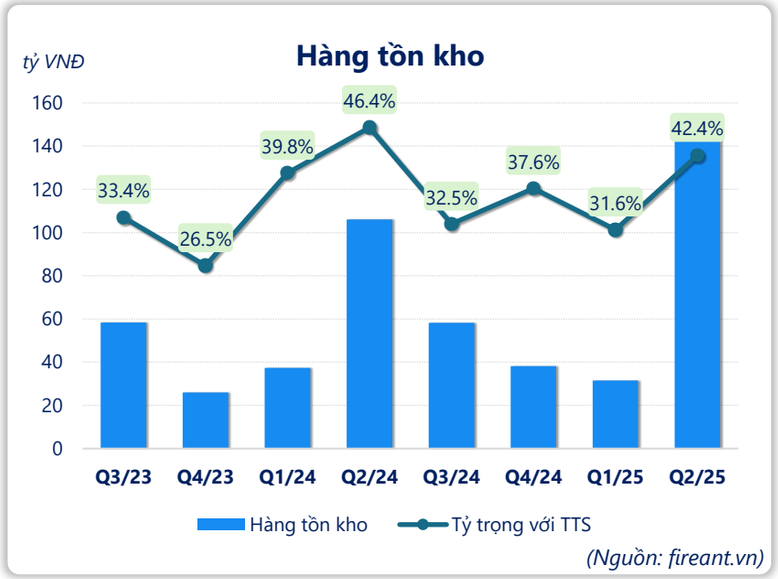
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam (HNX: SMN)



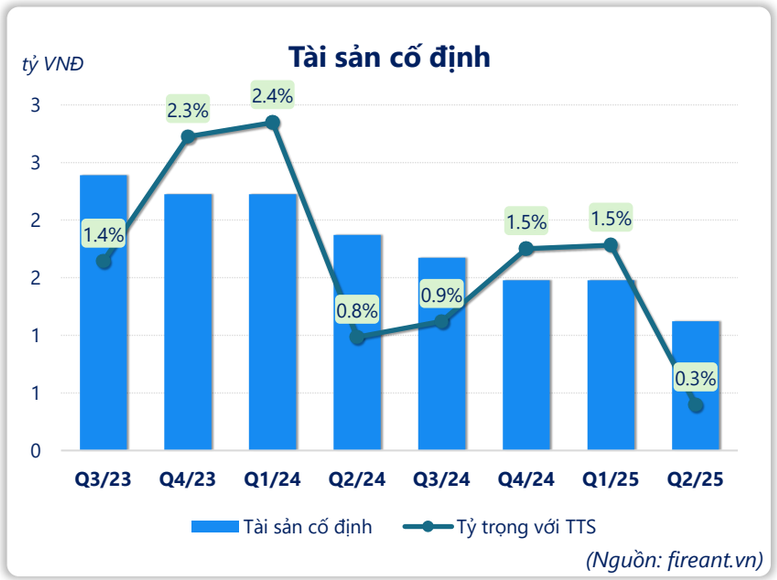
(Nguồn: fireant.vn)



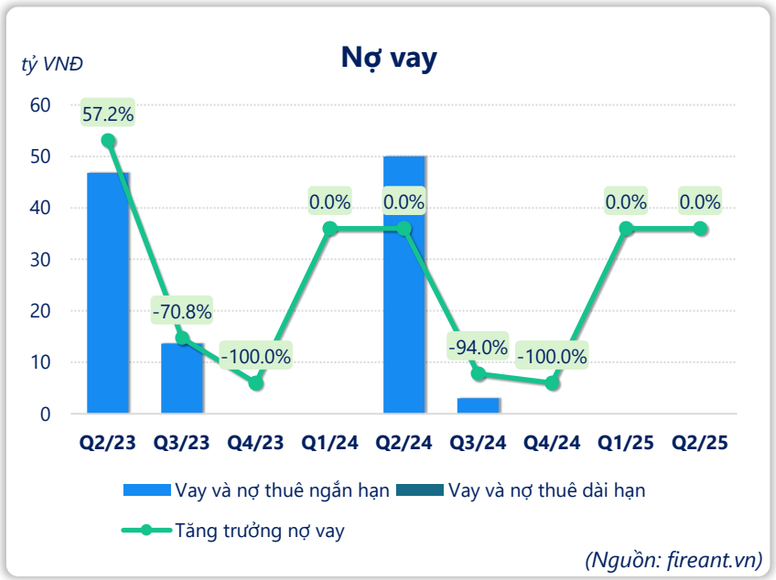
(Nguồn: fireant.vn)



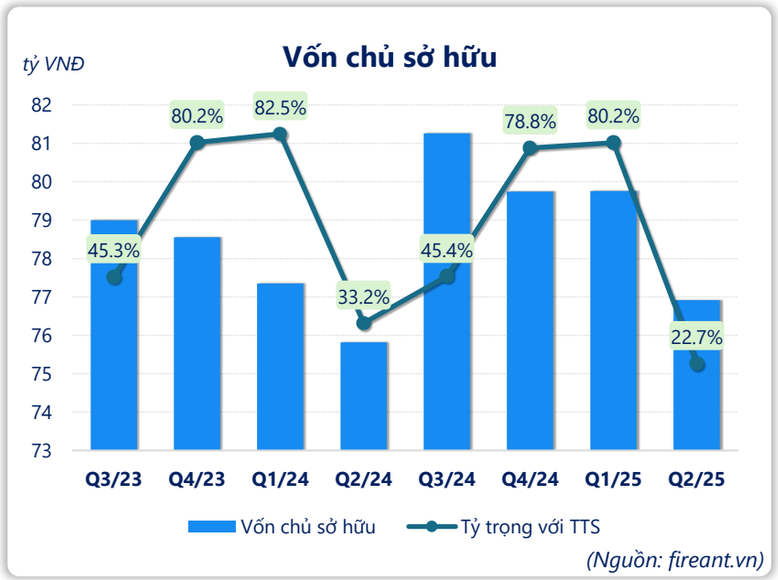
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

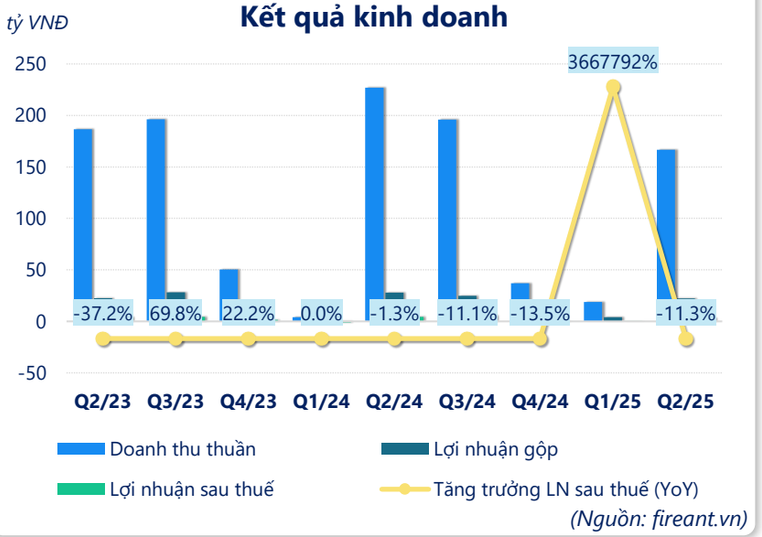


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

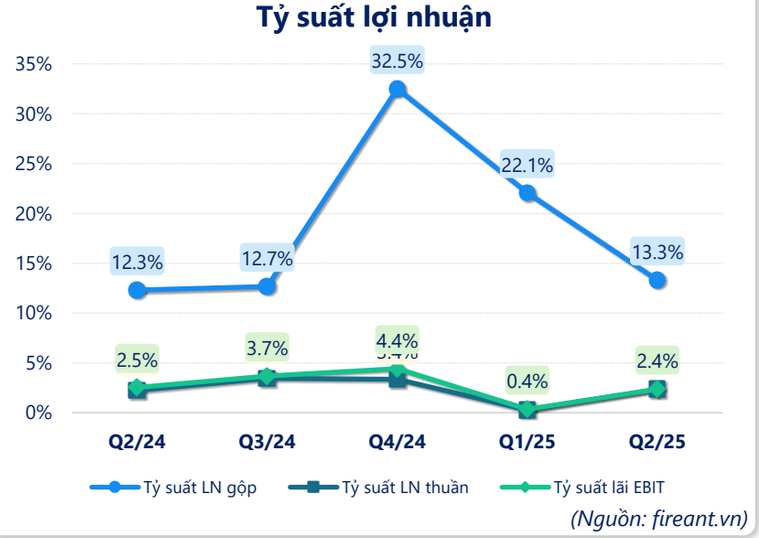
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam (HNX: SMN)

Kết quả kinh doanh



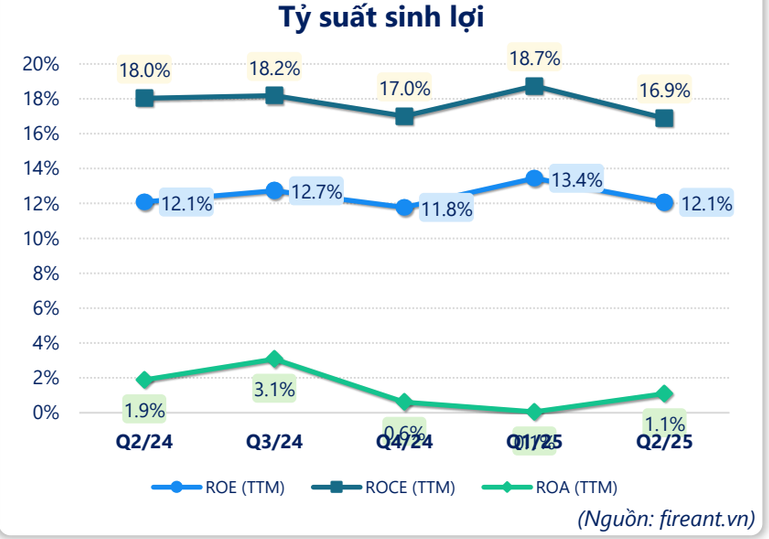
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



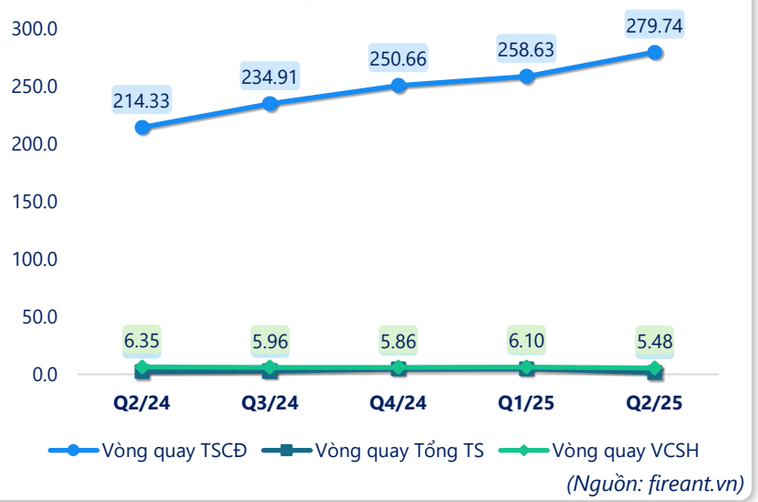
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



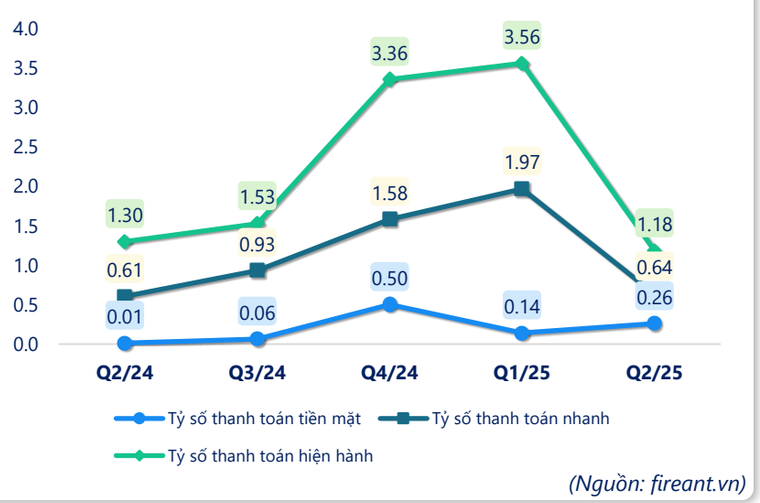
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



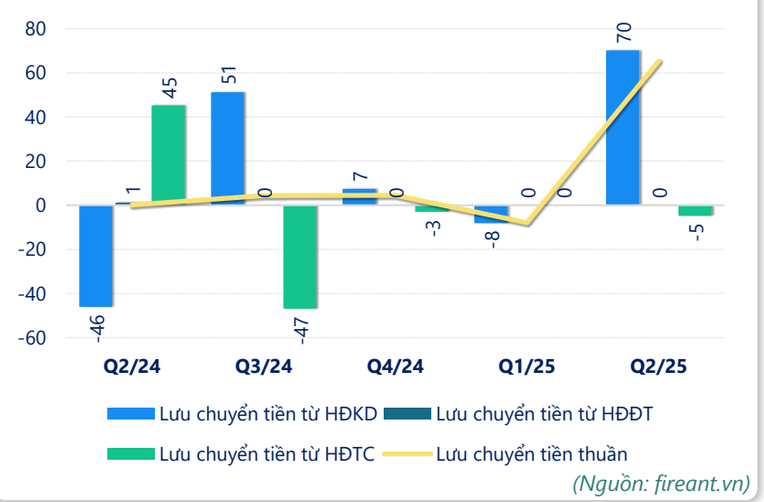
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam (HNX: SMN)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**339**	**101**	**235%**
Tài sản ngắn hạn	311	72.2	331%
Tiền và tương đương tiền	68.2	10.7	534%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	97.5	22.7	330%
Hàng tồn kho	144	38.2	277%
Tài sản ngắn hạn khác	1.12	0.56	98.9%
Tài sản dài hạn	**28.6**	**29.1**	**-1.7%**
Phải thu dài hạn	14.9	14.9	0.0%
Tài sản cố định	1.12	1.48	-24.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.04	0.03	52.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	3.33	3.33	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**9.25**	**9.40**	**-1.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	263	21.6	1115%
Nợ ngắn hạn	**263**	**21.6**	**1115%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	252	13.4	1790%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**76.9**	**79.7**	**-3.5%**
Vốn chủ sở hữu	**76.9**	**79.7**	**-3.5%**
Vốn điều lệ	44.1	44.1	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	227	196	37.2	18.7	167
Giá vốn hàng bán	199	171	25.1	14.6	145
Lợi nhuận gộp	28.0	24.8	12.1	4.13	22.2
Doanh thu HĐTC	0.07	0.09	4.48	0.17	0.11
Chi phí TC	0.65	0.52	0.09	0	0.05
Chi phí lãi vay	0.40	0.40	0.00	0	0.03
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	15.7	13.5	7.88	1.94	13.6
Chi phí QLDN	6.55	4.16	7.34	2.31	4.72
LN thuần từ HĐKD	5.12	6.76	1.25	0.05	3.92
Lợi nhuận khác	0.25	0.07	0.39	0.01	0.00
LN trước thuế	5.37	6.84	1.64	0.07	3.92
Lợi nhuận sau thuế	4.46	5.44	0.60	0.05	3.11
LNST của CĐ cty mẹ	4.46	5.44	0.60	0.05	3.11

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-46.1	51.2	7.45	-8.08	70.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	1.14	0.06	0.00	0.16	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	45.2	-46.9	-3.00	0	-4.85
Tiền đầu kỳ	1.78	1.95	6.29	10.7	2.83
Lưu chuyển tiền thuần	**0.17**	**4.35**	**4.46**	**-7.92**	**65.3**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.95	6.29	10.8	2.83	68.2

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic